

**BỘ LAO ĐỘNG - THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI  
TRƯỜNG ĐẠI HỌC LAO ĐỘNG - XÃ HỘI**

**BẢN MÔ TẢ  
CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO**

**CHUYÊN NGÀNH KẾ TOÁN**

**TRÌNH ĐỘ: THẠC SĨ**

MÃ NGÀNH: 8340301

**Hà Nội, 2018**

## MỤC LỤC

<b>I. MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO .....</b>	<b>3</b>
1.1. Giới thiệu chương trình đào tạo.....	3
1.2. Thông tin chung.....	3
1.3. Sứ mạng, tầm nhìn và giá trị cốt lõi.....	3
1.4. Mục tiêu của chương trình đào tạo .....	4
1.5. Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo .....	5
1.6. Cơ hội việc làm và học tập .....	6
1.7. Tiêu chí tuyển sinh, quá trình đào tạo, điều kiện tốt nghiệp.....	7
<b>II. MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH GIẢNG DẠY .....</b>	<b>9</b>
2.1. Cấu trúc chương trình giảng dạy .....	9
2.2. Các khối kiến thức chương trình giảng dạy.....	9
2.3. Danh sách học phần .....	11
2.4. Kế hoạch giảng dạy .....	12
2.5. Mô tả tóm tắt nội dung các học phần.....	14
2.6. Cơ sở vật chất phục vụ học tập.....	19
2.6.1. Thiết bị phục vụ học tập .....	19
2.6.2. Thư viện.....	25
<b>III. HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG CHƯƠNG TRÌNH.....</b>	<b>38</b>
3.1. Chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ .....	38
3.2. Giờ quy đổi .....	39
3.3. Mã các học phần .....	39
3.4. Giải thích các số trong dấu ngoặc đơn bên cạnh số tín chỉ: .....	39
3.5. Giải thích mục “Điều kiện”: .....	39

# I. MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

## 1.1. Giới thiệu chương trình đào tạo

Chương trình đào tạo (CTĐT) ngành Kế toán trình độ thạc sĩ trường Đại học Lao động – Xã hội, mã ngành 8340301 đào tạo theo hệ thống tín chỉ. Chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ ngành Kế toán được xây dựng theo định hướng ứng dụng, chương trình đào tạo giúp cho người học nâng cao kiến thức chuyên môn và kỹ năng hoạt động nghề nghiệp; có năng lực làm việc độc lập, sáng tạo; có khả năng thiết kế sản phẩm, ứng dụng kết quả nghiên cứu, phát hiện và tổ chức thực hiện các công việc phức tạp trong hoạt động chuyên môn nghề nghiệp, phát huy và sử dụng hiệu quả kiến thức ngành vào việc thực hiện các công việc cụ thể, phù hợp với điều kiện thực tế tại cơ quan, tổ chức, đơn vị kinh tế; có thể học bổ sung một số kiến thức cơ sở ngành và phương pháp nghiên cứu theo yêu cầu của ngành đào tạo trình độ tiến sĩ để tiếp tục tham gia chương trình đào tạo trình độ tiến sĩ.

## 1.2. Thông tin chung

**Bảng 1.1. Thông tin chung về chương trình đào tạo chuyên ngành Kế toán**

<b>Tên chương trình đào tạo</b>	<b>CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ</b>
<b>Mã ngành đào tạo</b>	<b>834.03.01</b>
<b>Trình độ đào tạo</b>	Thạc sĩ
<b>Thời gian đào tạo</b>	2 năm
<b>Tên gọi văn bằng</b>	Bằng Thạc sĩ
<b>Trường cấp bằng</b>	Trường Đại học Lao động - Xã hội
<b>Khoa quản lý</b>	Khoa Kế toán
<b>Số tín chỉ yêu cầu</b>	60
<b>Website</b>	www.uls.edu.vn
<b>Fanpage</b>	
<b>Ban hành</b>	Quyết định số 1713A/QĐ-ĐHLĐXH ngày 03 tháng 8 năm 2018 của Hiệu trưởng Trường Đại học Lao động – Xã hội

## 1.3. Sứ mạng, tầm nhìn và giá trị cốt lõi

	<b>Trường Đại học Lao động - Xã hội</b>	<b>Khoa</b>
<b>Sứ mạng</b>	Trường Đại học Lao động - Xã hội là cơ sở giáo dục đại học công lập duy nhất của ngành Lao Động Thương binh và Xã hội trong đào tạo nguồn nhân lực trình độ cao theo	Khoa Kế toán có sứ mạng đào tạo và cung cấp nguồn nhân lực chất lượng cao, các sản phẩm đào tạo, nghiên cứu khoa học và chuyển giao tri thức trong các

	<b>Trường Đại học Lao động - Xã hội</b>	<b>Khoa</b>
	định hướng ứng dụng với thế mạnh là các ngành Quản trị nhân lực, Công tác xã hội, Bảo hiểm, Kế toán và Quản trị kinh doanh; là trung tâm nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ, hợp tác quốc tế trong lĩnh vực kinh tế - lao động - xã hội đáp ứng yêu cầu phát triển của Ngành, đất nước và hội nhập quốc tế.	lĩnh vực kế toán, kiểm toán và tài chính ngân hàng; đóng góp hữu hiệu vào sự phát triển và hội nhập sâu rộng của ngành LĐTBXH và đất nước.
<b>Tầm nhìn</b>	Đến năm 2030, Trường Đại học Lao động – Xã hội trở thành trường Đại học hàng đầu Việt Nam trong đào tạo nguồn nhân lực trình độ cao thuộc lĩnh vực lao động - xã hội có kỹ năng thực hành nghề nghiệp thành thạo, năng động, sáng tạo trong công việc, đạo đức nghề nghiệp chuẩn mực; trở thành trung tâm nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ và hợp tác quốc tế có uy tín trong khu vực ASEAN	Khoa Kế toán là một trong những khoa hàng đầu của Trường ĐH Lao động – Xã hội cung cấp hoạt động đào tạo, nghiên cứu, cung cấp nguồn nhân lực chất lượng cao trong lĩnh vực kế toán, kiểm toán và tài chính ngân hàng. Đến năm 2030, Khoa Kế toán phấn đấu nằm trong danh sách 10 cơ sở đào tạo ngành kế toán, kiểm toán và tài chính ngân hàng uy tín và tốt nhất Việt Nam.
<b>Giá trị cốt lõi</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>• Chuyên nghiệp.</li> <li>• Sáng tạo</li> <li>• Hội nhập</li> </ul>	<p><b>Chuyên nghiệp:</b> nghiên cứu, giảng dạy và học tập chuyên nghiệp.</p> <p><b>Sáng tạo:</b> phong cách học tập và làm việc năng động, thích ứng nhanh</p> <p><b>Hội nhập:</b> Hội nhập là đối sánh và tiếp thu những thành tựu khoa học – công nghệ mới</p>

## 1.4. Mục tiêu của chương trình đào tạo

### 1.4.1 Mục tiêu tổng quát

Chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ được xây dựng theo định hướng ứng dụng, chương trình đào tạo giúp cho người học nâng cao kiến thức chuyên môn và kỹ năng hoạt động nghề nghiệp; có năng lực làm việc độc lập, sáng tạo; có khả năng thiết kế sản phẩm, ứng

dụng kết quả nghiên cứu, phát hiện và tổ chức thực hiện các công việc phức tạp trong hoạt động chuyên môn nghề nghiệp, phát huy và sử dụng hiệu quả kiến thức chuyên ngành vào việc thực hiện các công việc cụ thể, phù hợp với điều kiện thực tế tại cơ quan, tổ chức, đơn vị kinh tế; có thể học bổ sung một số kiến thức cơ sở ngành và phương pháp nghiên cứu theo yêu cầu của chuyên ngành đào tạo trình độ tiến sĩ để tiếp tục tham gia chương trình đào tạo trình độ tiến sĩ.

#### **1.4.2. Mục tiêu cụ thể**

##### ***Về kiến thức***

- Trang bị cho học viên kiến thức tổng hợp về kinh tế học để phân tích, đánh giá các hiện tượng kinh tế vi mô, vĩ mô trong nước và quốc tế.

- Trang bị cho học viên các kiến thức chuyên sâu và nâng cao về kế toán, kiểm toán, tài chính, quản trị kinh doanh để có thể phát hiện, giải quyết các vấn đề phát sinh trong thực tiễn, có khả năng thiết kế, vận hành hệ thống kế toán đáp ứng yêu cầu cạnh tranh trong điều kiện hội nhập; tham gia vào hoạch định và thực hiện chiến lược kinh doanh của doanh nghiệp và các tổ chức kinh tế - xã hội cũng như quá trình ra quyết định của các nhà quản trị doanh nghiệp.

##### ***Về kỹ năng***

- Có khả năng tổ chức hệ thống kế toán bao gồm: tổ chức, triển khai hệ thống thông tin kế toán, tổ chức quy trình kế toán, tổ chức hệ thống chứng từ, sổ sách, báo cáo kế toán nhằm đáp ứng thông tin theo yêu cầu quản lý của đơn vị.

- Sử dụng các thành thạo các phần mềm kế toán.

- Phối hợp tốt với các tổ chức kiểm toán.

- Học viên tốt nghiệp chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ chuyên ngành Kế toán đạt trình độ ngoại ngữ do Hiệu trưởng quy định theo đề nghị của hội đồng khoa học đào tạo nhưng tối thiểu phải từ bậc 3/6 trở lên theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam hoặc tương đương.

##### ***Về thái độ***

- Chấp hành tốt chủ trương, đường lối chính sách của Đảng, Nhà nước

- Quan điểm chính trị vững vàng, có khả năng tiếp thu và bảo vệ quan điểm

- Biết xử lý hài hòa lợi ích cá nhân, tập thể, tổ chức và quốc gia

- Tinh thần trách nhiệm cao, trung thực, có ý thức tổ chức kỷ luật, chủ động cập nhật kiến thức, sáng tạo trong công việc

- Đáp ứng các yêu cầu đạo đức cá nhân và đạo đức nghề nghiệp

#### **1.5. Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo**

##### **1.5.1. Về kiến thức**

- Người học vận dụng kiến thức chung về triết học, ngoại ngữ và phương pháp nghiên cứu khoa học để giải quyết các vấn đề phát sinh trong thực tiễn công việc và cuộc sống.

- Người học có kiến thức tổng hợp về kinh tế học để phân tích, đánh giá các hiện tượng kinh tế vi mô, vĩ mô trong nước và quốc tế.

- Người học có kiến thức chuyên sâu và nâng cao về kế toán, kiểm toán, tài chính, quản trị kinh doanh để có thể phát hiện, giải quyết các vấn đề phát sinh trong thực tiễn, có khả năng thiết kế, vận hành hệ thống kế toán đáp ứng yêu cầu cạnh tranh trong điều kiện hội nhập;

- Tham gia vào hoạch định và thực hiện chiến lược kinh doanh của doanh nghiệp và các tổ chức kinh tế - xã hội cũng như quá trình ra quyết định của các nhà quản trị doanh nghiệp.

### **1.5.2. Về kỹ năng**

- Người học có khả năng vận dụng kỹ năng tự học, tổng hợp, phân tích, đánh giá để đưa ra giải pháp xử lý các vấn đề liên quan đến lĩnh vực kế toán, kiểm toán.

- Người học có kỹ năng làm việc độc lập, làm việc nhóm, thảo luận các vấn đề chuyên môn với người cùng ngành kế toán, kiểm toán và phân tích một cách khoa học những vấn đề liên quan đến chuyên môn; kỹ năng nghiên cứu phát triển, đổi mới và sử dụng các công nghệ phù hợp ứng dụng trong hoạt động kế toán, kiểm toán.

- Ứng dụng thành thạo công nghệ thông tin trong hoạt động kế toán.

- Nắm chắc kiến thức về kiểm toán doanh nghiệp: luật pháp; đạo đức và tôn chỉ nghề nghiệp; tổ chức thu thập thông tin; quy trình; báo cáo; hệ thống kiểm soát nội bộ; kiểm toán trong điều kiện ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động kế toán.

### **1.5.3. Về thái độ**

- Biết xử lý hài hòa lợi ích cá nhân, tập thể, tổ chức và quốc gia

- Tinh thần trách nhiệm cao, trung thực, có ý thức tổ chức kỷ luật, chủ động cập nhật kiến thức, sáng tạo trong công việc

- Đáp ứng các yêu cầu đạo đức cá nhân và đạo đức nghề nghiệp

## **1.6. Cơ hội việc làm và học tập**

### **1.6.1. Cơ hội việc làm**

- Chuyên viên kế toán, kiểm toán, tài chính, cán bộ tín dụng làm việc tại các doanh nghiệp, ngân hàng, công ty khoán khoán, công ty tài chính, quỹ đầu tư, các cơ quan quản lý nhà nước, các đơn vị hành chính sự nghiệp và trong các các tổ chức chính trị, xã hội, nghề nghiệp;

- Chuyên viên tư vấn kế toán, thuế trong các công ty tư vấn thuế và tư vấn tài chính,

đảm nhận công việc trợ lý phân tích và tư vấn về kế toán, thuế, tài chính; triển vọng trong tương lai có thể trở thành chuyên gia phân tích, tư vấn về kế toán, thuế, tài chính;

- Đảm nhận các vị trí cấp cao như quản lý bộ phận kế toán, kế toán tổng hợp, kế toán trưởng, giám đốc tài chính, trưởng nhóm, giám đốc kiểm toán;
- Tự khởi nghiệp thành lập các công ty cung cấp dịch vụ tài chính, thuế, kế toán, kiểm toán, tư vấn...

### **1.6.2. Cơ hội học tập**

Có nhiều cơ hội thuận lợi khi học chứng chỉ CPA, ACCA, CET, CIMA, ACA, CFA... để hành nghề kế toán, kiểm toán, làm về lĩnh vực tài chính – ngân hàng.

Có cơ hội học chuyển tiếp lên trình độ thạc sĩ, tiến sĩ ngành kế toán, kiểm toán, tài chính ngân hàng tại các trường đại học trong nước và quốc tế.

## **1.7. Tiêu chí tuyển sinh, quá trình đào tạo, điều kiện tốt nghiệp**

### **1.7.1. Tiêu chí tuyển sinh**

Thực hiện theo Đề án tuyển sinh hàng năm của Trường Đại học Lao động - Xã hội.

### **1.7.2. Quá trình đào tạo**

### **1.7.3. Điều kiện xét và công nhận tốt nghiệp**

Căn cứ Thông tư số 15/2014/TT-BGDĐT ngày 15/05/2014 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy chế đào tạo trình độ Thạc sĩ và Quyết định số 1854/QĐ-ĐHLDXH ngày 10/10/2017 của Hiệu trưởng Trường Đại học Lao động – Xã hội về việc ban hành Quy định đào tạo trình độ thạc sĩ, người học được công nhận tốt nghiệp và cấp bằng thạc sĩ chuyên ngành Kế toán khi có đủ các điều kiện sau:

a) Có đủ điều kiện bảo vệ luận văn

- Học viên hoàn thành chương trình đào tạo, có điểm trung bình chung các học phần trong chương trình đào tạo đạt từ 5,5 trở lên (theo thang điểm 10) hoặc điểm C trở lên (theo thang điểm chữ);

- Đạt trình độ ngoại ngữ do Hiệu trưởng quy định theo đề nghị của hội đồng khoa học đào tạo nhưng tối thiểu phải từ bậc 3/6 trở lên theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam hoặc tương đương;

- Có đơn xin bảo vệ và cam đoan danh dự về kết quả nghiên cứu trung thực, đồng thời phải có ý kiến xác nhận của người hướng dẫn là luận văn đạt các yêu cầu theo quy định tại Khoản 2, Điều 26 Quy định đào tạo trình độ thạc sĩ của Trường;

- Không bị truy cứu trách nhiệm hình sự và không trong thời gian bị kỷ luật đình chỉ học tập;

- Không bị tố cáo theo quy định của pháp luật về nội dung khoa học trong luận văn.

b) Điểm luận văn đạt từ 5,5 trở lên;

c) Đã nộp luận văn được hội đồng đánh giá đạt yêu cầu trở lên, có xác nhận của người hướng dẫn và chủ tịch hội đồng về việc luận văn đã được chỉnh sửa theo kết luận của hội đồng, đóng kèm bản sao kết luận của hội đồng đánh giá luận văn và nhận xét của các phản biện cho Trường để sử dụng làm tài liệu tham khảo tại thư viện và lưu trữ theo quy định tại Điểm c, Khoản 2, Điều 33 Quy định đào tạo trình độ thạc sĩ của Trường Đại học Lao động - Xã hội;

d) Đã công bố công khai toàn văn luận văn trên website của Trường theo quy định tại Khoản 9, Điều 34 Quy định đào tạo trình độ thạc sĩ của Trường Đại học Lao động - Xã hội.

#### **1.7.4. Hệ thống tính điểm**

##### **Điểm học phần**

- Điểm đánh giá bộ phận và điểm thi kết thúc học phần được chấm theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân

- Điểm học phần là tổng của tất cả các điểm đánh giá bộ phận của học phần nhân với trọng số tương ứng. Điểm học phần làm tròn đến một chữ số thập phân, sau đó được chuyển thành điểm chữ như sau:

+ Loại đạt

A+ (9,2 – 10); A (8,5 – 9,1): Giỏi

B+ (7,7 – 8,4); B (7,0 – 7,6): Khá

C+ (6,2 – 6,9); C (5,5 – 6,1): Trung bình

D+ (4,7 – 5,4); D (4,0 – 4,6): Trung bình yếu

+ Loại không đạt

F+ (2,0 – 3,9) F (dưới 2,0): Kém

##### **Điểm trung bình**

- Mức điểm chữ của mỗi học phần được quy đổi qua điểm số (thang điểm 4) như sau:

A+: 4,0 A : 3,7

B+: 3,5 B : 3,0

C+: 2,5 C : 2,0

D+: 1,5 D : 1,0

F+: 0,5 F : 0,0

- Điểm trung bình chung học kỳ và điểm trung bình chung tích lũy được tính theo công thức sau và làm tròn đến 2 chữ số thập phân:



$$A = \frac{\sum_{i=1}^n a_i \cdot x \cdot n_i}{\sum_{i=1}^n n_i}$$

Trong đó:

A: là điểm trung bình chung học kỳ hoặc điểm trung bình chung tích lũy

$a_i$ : là điểm học phần thứ  $i$

$n_i$ : là số tín chỉ của học phần thứ  $i$

$n$ : là tổng số học phần

## II. MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH GIẢNG DẠY

### 2.1. Cấu trúc chương trình giảng dạy

Kiến thức toàn khóa học: 60 tín chỉ tích lũy

**Bảng 2.1. Cấu trúc chương trình giảng dạy ngành Kế toán**

Khối kiến thức và lập luận về ngành		Số tín chỉ	Tỷ lệ %
<b>1.1</b>	<b>Kiến thức chung</b>	<b>4</b>	<b>6,67</b>
<b>1.2</b>	<b>Kiến thức cơ sở và chuyên ngành</b>	<b>44</b>	<b>73,33</b>
<i>1.2.1</i>	<i>Kiến thức cơ sở</i>	<i>18</i>	<i>30</i>
	Kiến thức bắt buộc	9	15
	Kiến thức tự chọn	9	15
<i>1.2.2</i>	<i>Kiến thức chuyên ngành</i>	<i>26</i>	<i>43,33</i>
	Kiến thức bắt buộc	17	28,33
	Kiến thức tự chọn	9	15
<b>1.3</b>	<b>Luận văn thạc sĩ</b>	<b>12</b>	<b>20</b>
<b>Tổng cộng</b>		<b>60</b>	<b>100%</b>

### 2.2. Các khối kiến thức chương trình giảng dạy

#### 2.2.1. Kiến thức chung: 04 tín chỉ

Chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ ngành Kế toán giảng dạy cho khối kiến thức chung là học phần Triết học với số tín chỉ là 04

### **2.2.2. Kiến thức cơ sở và chuyên ngành: 44 tín chỉ**

#### **Khối kiến thức cơ sở (18 tín chỉ)**

Khối kiến thức bắt buộc gồm 9 tín chỉ, học viên sẽ nghiên cứu các học phần:

- + Phương pháp định lượng và thống kê trong nghiên cứu
- + Lý thuyết kế toán
- + Quản trị kinh doanh nâng cao

Khối kiến thức lựa chọn gồm 9 tín chỉ, học viên sẽ được lựa chọn 3 trong 6 học phần sau:

- +Phương pháp nghiên cứu khoa học
- +Tổ chức công tác kế toán
- +Hệ thống thông tin kế toán
- +Lý thuyết kiểm toán
- +Quản trị tài chính đơn vị hành chính sự nghiệp
- +Kinh tế học quản lý

#### **Kiến thức chuyên ngành (26 tín chỉ)**

**Trong đó, có 05 học phần bắt buộc, gồm:**

- + Kế toán tài chính nâng cao
- + Kế toán quản trị nâng cao
- + Kiểm toán tài chính nâng cao
- + Quản trị chi phí
- + Hệ thống kiểm soát quản trị

**Có 03 học phần lựa chọn trong 6 học phần sau:**

- + Luật kế toán và chuẩn mực kế toán
- + Quản trị tài chính doanh nghiệp nâng cao
- + Phân tích báo cáo tài chính nâng cao
- + Kế toán quốc tế nâng cao
- + Kế toán thuế nâng cao
- + Kiểm toán nội bộ

### **2.2.3. Luận văn thạc sĩ: 12 tín chỉ**

### 2.3. Danh sách học phần

**Bảng 2.2. Danh sách các học phần**

TT	TÊN HỌC PHẦN	Số tín chỉ	Ghi chú
<b>I</b>	<b>Kiến thức chung</b>	<b>4</b>	
1	Triết học	4	
<b>II</b>	<b>Kiến thức cơ sở và chuyên ngành</b>	<b>44</b>	
<b>II.1</b>	<b>Kiến thức cơ sở</b>	<b>18</b>	
	<i>Các học phần bắt buộc (03 học phần, 09 tín chỉ)</i>		
2	Phương pháp định lượng và thống kê trong nghiên cứu	3	
3	Lý thuyết kế toán	3	
4	Quản trị kinh doanh nâng cao	3	
	<i>Các học phần tự chọn (Chọn 03/06 học phần, 09/18 tín chỉ)</i>		
5	Phương pháp nghiên cứu khoa học	3	
6	Tổ chức công tác kế toán	3	
7	Hệ thống thông tin kế toán	3	
8	Lý thuyết kiểm toán	3	
9	Quản trị tài chính đơn vị hành chính sự nghiệp	3	
10	Kinh tế học quản lý	3	
<b>II.2</b>	<b>Kiến thức chuyên ngành</b>	<b>26</b>	
	<i>Các học phần bắt buộc (05 học phần, 17 tín chỉ)</i>		
11	Kế toán tài chính nâng cao	4	
12	Kế toán quản trị nâng cao	4	

<b>TT</b>	<b>TÊN HỌC PHẦN</b>	<b>Số tín chỉ</b>	<b>Ghi chú</b>
13	Kiểm toán tài chính nâng cao	3	
14	Quản trị chi phí	3	
15	Hệ thống kiểm soát quản trị	3	
	<b><i>Các học phần tự chọn</i></b>		
16	Luật kế toán và chuẩn mực kế toán	3	
17	Quản trị tài chính doanh nghiệp nâng cao	3	
18	Phân tích báo cáo tài chính nâng cao	3	
19	Kế toán quốc tế nâng cao	3	
20	Kế toán thuế nâng cao	3	
21	Kiểm toán nội bộ	3	
<b>III</b>	<b>Luận văn thạc sĩ</b>	<b>12</b>	
	<b>Tổng cộng</b>	<b>60</b>	

#### 2.4. Kế hoạch giảng dạy

**Bảng 2.3. Kế hoạch giảng dạy**

<b>STT</b>	<b>TÊN HỌC PHẦN</b>	<b>Số tín chỉ</b>	<b>Năm thứ I</b>		<b>Năm thứ II</b>	
			<b>I</b>	<b>II</b>	<b>III</b>	<b>IV</b>
<b>I</b>	<b>KIẾN THỨC CHUNG</b>	<b>4</b>				
1	Triết học	4	4			
<b>II</b>	<b>KIẾN THỨC CƠ SỞ VÀ CHUYÊN NGÀNH</b>					
<b>II.1</b>	<b>Kiến thức cơ sở</b>	<b>18</b>				

STT	TÊN HỌC PHẦN	Số tín chỉ	Năm thứ I		Năm thứ II	
			I	II	III	IV
	<i>Các học phần bắt buộc (03 học phần, 09 tín chỉ)</i>	<b>9</b>				
2	Phương pháp định lượng và thống kê trong nghiên cứu	3	3			
3	Lý thuyết kế toán	3	3			
4	Quản trị kinh doanh nâng cao	3	3			
	<i>Các học phần tự chọn (Chọn 03/06 học phần, 09/18 tín chỉ)</i>	<b>9</b>				
5	Phương pháp nghiên cứu khoa học	3		3		
6	Tổ chức công tác kế toán	3		3		
7	Hệ thống thông tin kế toán	3		3		
8	Lý thuyết kiểm toán	3		3		
9	Quản trị tài chính đơn vị hành chính sự nghiệp	3		3		
10	Kinh tế học quản lý	3		3		
<b>II.2</b>	<b>Kiến thức chuyên ngành</b>					
	<i>Các học phần bắt buộc (05 học phần, 17 tín chỉ)</i>	<b>17</b>				
11	Kế toán tài chính nâng cao	4	4			
12	Kế toán quản trị nâng cao	4	4			
13	Kiểm toán tài chính nâng cao	3		3		
14	Quản trị chi phí	3		3		
15	Hệ thống kiểm soát quản trị	3		3		

STT	TÊN HỌC PHẦN	Số tín chỉ	Năm thứ I		Năm thứ II	
			I	II	III	IV
	<i>Các học phần tự chọn (Chọn 03/06 học phần, 09/18 tín chỉ)</i>	<b>9</b>				
16	Luật kế toán và chuẩn mực kế toán	3			3	
17	Quản trị tài chính doanh nghiệp nâng cao	3			3	
18	Phân tích báo cáo tài chính nâng cao	3			3	
19	Kế toán quốc tế nâng cao	3			3	
20	Kế toán thuế nâng cao	3			3	
21	Kiểm toán nội bộ	3			3	
<b>III.</b>	<b>LUẬN VĂN THẠC SĨ</b>	<b>12</b>				12
	<b>Tổng cộng:</b>	<b>60</b>	<b>21</b>	<b>18</b>	<b>9</b>	<b>12</b>

## 2.5. Mô tả tóm tắt nội dung các học phần

### 2.5.1. Học phần *Triết học*

Học phần trình bày những nét khái quát nhất về triết học, lịch sử triết học Phương Đông, Phương Tây và TH Mác- Lênin và vai trò của triết học Mác- Lênin trong đời sống xã hội; những nội dung cơ bản của chủ nghĩa duy vật biện chứng, gồm vấn đề vật chất và ý thức; phép biện chứng duy vật; lý luận nhận thức của chủ nghĩa duy vật biện chứng; những nội dung cơ bản của chủ nghĩa duy vật lịch sử, gồm vấn đề hình thái kinh tế- xã hội; giai cấp và dân tộc; nhà nước và cách mạng xã hội; ý thức xã hội; triết học về con người

### 2.5.2. *Phương pháp định lượng và thống kê trong nghiên cứu*

Vấn đề đầu tiên và hết sức quan trọng trong mọi hoạt động kinh tế - xã hội và nghiên cứu khoa học đó là phải có đầy đủ thông tin về mọi mặt kể cả thông tin sơ cấp và thứ cấp. Các thông tin này cần được thu thập, tổng hợp và phân tích bằng các phương pháp thích hợp là căn cứ khoa học đáng tin cậy trong nghiên cứu và cho việc ra quyết định quản lý.

Hoạt động kinh tế - xã hội hay nghiên cứu khoa học đều cần quan tâm đến ba yếu tố có mối liên hệ chặt chẽ với nhau, đó là: lý luận, phương pháp định lượng và thống kê. Xuất phát từ những nội dung nghiên cứu, những nhiệm vụ trong quản lý và đặc điểm tình hình cụ thể nhằm vào mục tiêu nào, trên cơ sở đó xác định thông tin cần thu thập, các biện pháp thu thập dữ liệu, xử lý và phân tích các dữ liệu đó. Trên cơ sở các phân tích định lượng rút ra kết luận về sự tồn tại thực tế của hiện tượng, bản chất và tính quy luật đang tồn tại, từ đó đưa ra các kết luận, đánh giá và giải pháp thích hợp với từng hiện tượng trong từng giai đoạn cụ thể... Hệ thống các phương pháp thu thập dữ liệu, xử lý và phân tích định lượng các dữ liệu đó được trình bày trong học phần Phương pháp định lượng và thống kê trong nghiên cứu.

### ***2.5.3. Lý thuyết kế toán***

Giới thiệu các phương pháp luận cơ bản được áp dụng để hình thành (xây dựng) các học thuyết kế toán, đồng thời làm rõ vai trò của nghiên cứu trong hình thành các học thuyết kế toán cũng như vai trò của các học thuyết đối với sự phát triển của kế toán.

### ***2.5.4. Quản trị kinh doanh nâng cao***

Học phần cung cấp những kiến thức cơ bản về môi trường kinh doanh trong điều kiện hội nhập kinh tế thế giới, phản ứng của nhà quản trị trước những thay đổi của môi trường kinh doanh, cấu trúc doanh nghiệp và ngành kinh doanh, quản trị sự xung đột và rủi ro

### ***2.5.5. Phương pháp nghiên cứu khoa học***

Học phần sẽ cung cấp cho học viên những kiến thức nền tảng về phương pháp nghiên cứu khoa học xã hội và nhân văn. Thông qua môn học, học viên sẽ nắm được các nguyên lý cơ bản trong phương pháp nghiên cứu, biết được mục đích của nghiên cứu cũng như cách thức tiến hành nghiên cứu. Học viên sẽ nắm được các bước trong một quy trình nghiên cứu, từ việc xác định vấn đề nghiên cứu, đặt câu hỏi nghiên cứu, lập kế hoạch nghiên cứu cho tới tiến hành thu thập và xử lý dữ liệu, viết báo cáo và trình bày kết quả nghiên cứu. Học phần cũng sẽ cung cấp cho người học các công cụ và phương pháp phân tích và xử lý dữ liệu như: SPSS, PLS-SEM, AMOS, Fuzzy AHP... Bên cạnh giờ giảng lý thuyết, học viên sẽ thực hiện đề án nghiên cứu để làm quen với việc tiến hành một nghiên cứu trong lĩnh vực kinh tế và xã hội.

### ***2.5.6. Tổ chức công tác kế toán***

Học phần này trang bị những kiến thức chuyên sâu về tổ chức kế toán trong doanh nghiệp. Học phần nghiên cứu từ tổng quan, những vấn đề chung của tổ chức kế toán đến vấn đề chuyên sâu cụ thể, từ tổ chức thu nhận thông tin kế toán, tổ chức hệ thống hóa và xử lý thông tin kế toán, tổ chức cung cấp thông tin kế toán và tổ chức lao

động kế toán và bộ máy kế toán đặc biệt trong điều kiện tin học hóa cũng được chú ý trong học phần này. Việc vận dụng các qui định pháp luật kế toán ở Việt Nam hiện nay để thực hiện các nội dung tổ chức công tác kế toán cũng được đề cập trong học phần.

### **2.5.7. Hệ thống thông tin Kế toán**

Học phần cung cấp cho người học kiến thức về hệ thống thông tin kế toán, bao gồm: tổng quan về hệ thống thông tin kế toán; các vấn đề cơ bản về đạo đức, gian lận và kiểm soát nội bộ và ứng dụng kiểm soát nội bộ trong xây dựng và đánh giá hệ thống thông tin kế toán. Đồng thời học phần cung cấp cho người học hệ thống thông tin kế toán trong các chu trình kinh doanh cụ thể và trong hệ thống báo cáo kế toán. Học phần cung cấp cho người học những kiến thức về tổ chức hệ thống thông tin kế toán trong điều kiện thủ công và ứng dụng phần mềm kế toán.

### **2.5.8. Lý thuyết kiểm toán**

Học phần lý thuyết kiểm toán cung cấp cho người học các kiến thức về khái niệm, bản chất, chức năng, đối tượng của kiểm toán; Các loại hình kiểm toán và chủ thể kiểm toán; Các khái niệm cơ bản sử dụng trong kiểm toán; Hệ thống phương pháp kiểm toán; Trình tự tổ chức công tác kiểm toán của kiểm toán nói chung, kiểm toán hoạt động, kiểm toán tuân thủ, kiểm toán báo cáo tài chính, kiểm toán dự án đầu tư.

### **2.5.9. Quản trị tài chính đơn vị hành chính sự nghiệp**

Học phần này trang bị những kiến thức về quản trị tài chính trong các đơn vị sự nghiệp và các kỹ năng quản trị tài chính giúp cho học viên nắm chắc các kiến thức và quy định về quản trị tài chính trong các đơn vị hành chính - sự nghiệp. Thông qua học phần, học viên nắm được các quy định và cách thức lập dự toán, tiếp nhận sử dụng nguồn kinh phí và lập báo cáo quyết toán tính hình sử dụng kinh phí tại các đơn vị sự nghiệp.

Việc vận dụng các qui định pháp luật về quản lý tài chính trong đơn vị sự nghiệp ở Việt Nam hiện nay để thực hiện các nội dung công tác quản lý tài chính trong đơn vị sự nghiệp cũng được đề cập trong học phần.

### **2.5.10. Kinh tế học quản lý**

Kinh tế học quản lý là môn kinh tế ứng dụng trong thực tiễn quản lý, vận dụng lý thuyết kinh tế vào phân tích và đưa ra những quyết định kinh doanh giúp doanh nghiệp đạt được mục tiêu với hiệu quả cao nhất. Kinh tế học quản lý có mối quan hệ chặt chẽ với các lĩnh vực khác như marketing, tài chính, khoa học quản lý, chiến lược kinh doanh và kế toán. Học phần cung cấp nền tảng các nguyên lý kinh tế vi mô như phân tích cung cầu thị trường, dự báo cầu, phân tích cấu trúc thị trường, phân tích rủi ro. Học phần có sử dụng những kỹ thuật định lượng (tối ưu hóa, kinh tế lượng) trong phân



tích kinh tế.

#### **2.5.11. Kế toán tài chính nâng cao**

Học phần này trước hết nghiên cứu các vấn đề cơ bản của kế toán tài chính, sự ảnh hưởng của hệ thống pháp luật nói chung đến kế toán tài chính. Tiếp đến, học phần đề cập đến những vấn đề của kế toán tài chính trong doanh nghiệp gồm: Kế toán các yếu tố của quá trình sản xuất kế toán như kế toán tiền lương, nguyên vật liệu và tài sản cố định. Kế toán doanh thu chi phí xác định kết quả kinh doanh, kế toán các khoản đầu tư tài chính, lập báo cáo tài chính trên cơ sở vận dụng hệ thống Chuẩn mực kế toán. Đặc biệt, học phần đề cập đến nhiều vấn đề liên quan đến kế toán nâng cao như các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản dự phòng, tài sản và nợ tiềm tàng cũng như sự thay đổi chính sách kế toán ước tính kế toán và các sai sót. Đối với báo cáo tài chính, học phần tập trung tìm hiểu kỹ thuật lập báo cáo tài chính hợp nhất trong tập đoàn kinh tế.

#### **2.5.12. Kế toán quản trị nâng cao**

Học phần cung cấp kiến thức nâng cao phục vụ cho lập kế hoạch, thiết kế hệ thống kiểm soát, đánh giá hiệu quả và xây dựng giá chuyển nhượng gắn với mục tiêu và sự thành công trong thực hiện chiến lược của doanh nghiệp.

#### **2.5.13. Kiểm toán tài chính nâng cao**

Kiểm toán tài chính là học phần đòi hỏi người học không những phải nắm vững kiến thức của một số môn khoa học cơ bản mà còn phải có hiểu biết sâu về các môn cơ bản của chuyên ngành kế toán, tài chính và luật. Theo đó, người học cần phải được trang bị trước các kiến thức của các học phần như Lý thuyết kiểm toán (kiểm toán căn bản); kế toán tài chính; kế toán quản trị; tài chính doanh nghiệp và luật kinh tế.

#### **2.5.14. Quản trị chi phí**

Hệ Học phần cung cấp kiến thức phục vụ cho quản trị chi phí giúp tổ chức (doanh nghiệp, đơn vị HCSN) nâng cao hiệu quả hoạt động, tăng khả năng cạnh tranh và thành công trong thực hiện chiến lược.

#### **2.5.15. Hệ thống kiểm soát quản trị**

Hệ thống kiểm soát quản lý là học phần nâng cao nghiên cứu ảnh hưởng của hệ thống quản trị ảnh hưởng đến các thành viên khác của tổ chức trong quá trình thực hiện chiến lược của tổ chức. Các nội dung này liên quan đến con người và hành vi nên thường được gọi là kế toán hành vi. Học phần nghiên cứu về hệ thống kiểm soát quản trị và ảnh hưởng của nó đến hành vi của các nhà quản trị trong tổ chức (doanh nghiệp, đơn vị HCSN).

### **2.5.16. Luật kế toán và chuẩn mực kế toán**

Học phần này trước hết nghiên cứu nội dung của Luật kế toán và các văn bản hướng dẫn, nghiên cứu quy trình soạn thảo và ban hành các Chuẩn mực kế toán Quốc tế và Việt Nam, sự hoà hợp và những điểm khác biệt cơ bản giữa hai hệ thống Chuẩn mực kế toán. Tiếp đến, học phần giới thiệu hệ thống Chuẩn mực kế toán quốc tế và Chuẩn mực kế toán Việt Nam, khái quát lịch sử hình thành và những thay đổi quan trọng. Cuối cùng, học phần này đề cập đến nội dung cơ bản của một số Chuẩn mực kế toán Quốc tế trên cơ sở so sánh với Chuẩn mực kế toán Việt Nam

### **2.5.17. Quản trị tài chính doanh nghiệp nâng cao**

Học phần nghiên cứu các vấn đề lý thuyết chuyên sâu về quản trị tài chính doanh nghiệp: Nguyên tắc quản trị tài chính hiện đại, đặc điểm các nguồn vốn của doanh nghiệp, các phương thức huy động vốn, phân tích khái quát tình hình tài chính doanh nghiệp, các quyết định tài chính ngắn hạn của doanh nghiệp: quản lý dòng tiền vào, ra, các luật liên quan tới quản lý tài chính trong các doanh nghiệp nhà nước, cơ cấu vốn và chi phí vốn, các quyết định đầu tư dài hạn của doanh nghiệp, phân tích các chính sách tín dụng thương mại của doanh nghiệp, tác động của thuế đến hoạt động tài chính doanh nghiệp. Học phần cũng nghiên cứu về các mô hình lập kế hoạch tài chính dài hạn của một doanh nghiệp. Các vấn đề về tái cấu trúc và sắp xếp doanh nghiệp cũng được đề cập một cách cơ bản.

### **2.5.18. Phân tích báo cáo tài chính nâng cao**

Học phần cung cấp kiến thức cho người học có năng lực chuyên môn sâu, có kỹ năng thực hành thành thạo, có khả năng làm việc độc lập, sáng tạo và tổ chức điều hành công tác chuyên môn trong lĩnh vực kế toán và phân tích tài chính. Trên cơ sở đó đáp ứng nhu cầu nhân sự cao trong nền kinh tế thị trường

### **2.5.19. Kế toán quốc tế nâng cao**

Học phần này trước hết nghiên cứu các vấn đề cơ bản của kế toán quốc tế. Tiếp đến, học phần đề cập đến những vấn đề của Đặc điểm hệ thống kế toán Tây Âu gồm: Khái quát chung về hệ thống kế toán Pháp; Kế toán bất động sản và khấu hao bất động sản; Kế toán tiền lương; Kế toán hàng tồn kho; Kế toán chi phí sản xuất kinh doanh; Kế toán bán hàng; Kế toán điều chỉnh chi phí, thu nhập và xác định kết quả hoạt động kinh doanh. Ngoài ra, học phần đề cập đến đặc điểm hệ thống kế toán Bắc Mỹ gồm: Khái quát chung về hệ thống kế toán Bắc Mỹ; Kế toán tài sản cố định và khấu hao tài sản cố định; Kế toán tiền lương và các khoản công nợ; Kế toán hàng tồn kho; Kế toán chi phí sản xuất kinh doanh; Kế toán bán hàng; Kế toán điều chỉnh chi phí, thu nhập và xác định kết quả hoạt động kinh doanh.

### **2.5.20. Kế toán thuế nâng cao**

Học phần này sẽ trang bị cho học viên khái quát chung về lịch sử hình thành và sự phát triển của các loại thuế của thế giới và Việt Nam. Tiếp đến, học phần đi sâu và bản chất, cách tính thuế cũng như hạch toán kế toán các loại thuế hiện hành ở Việt Nam. Đặc biệt, học phần nhấn mạnh đến tính vận dụng và sự linh hoạt của các loại thuế trong thực tiễn hoạt động của doanh nghiệp.

### **2.5.21. Kiểm toán nội bộ**

Học phần kiểm toán nội bộ trang bị cho người học những kiến thức cơ bản và nâng cao về tổ chức công tác kiểm toán báo cáo nội bộ của một tổ chức và quy trình tiến hành một cuộc kiểm toán nội bộ.

### ***Luận văn thạc sĩ:***

## **2.6. Cơ sở vật chất phục vụ học tập**

### **2.6.1. Thiết bị phục vụ học tập**

Trường đại học Lao động - Xã hội có 03 cơ sở đào tạo (tại Hà Nội, tại Sơn Tây và tại Thành phố Hồ Chí Minh) với tổng diện tích 10,6 ha. Cơ sở vật chất, thiết bị dạy học được đầu tư đồng bộ và nâng cấp hàng năm để đáp ứng đủ tiêu chuẩn của một cơ sở đào tạo đại học. Hiện nay tại 3 cơ sở trường có 155 phòng học lý thuyết với diện tích trung bình từ 80 đến 100m<sup>2</sup>, 16 phòng thực hành các loại, 16 phòng máy tính với tổng số gần 700 máy tính được kết nối mạng LAN và mạng Internet phục vụ cho việc dạy và học.

**Bảng 2.4. Thiết bị phục vụ đào tạo**

<b>STT</b>	<b>Tên thiết bị, cơ sở vật chất</b>	<b>Năm sản xuất</b>	<b>Số lượng</b>	<b>Ghi chú</b>
<b>I.</b>	<b>Phòng máy tính</b>			
<b>1</b>	<b><i>Phòng máy tính E202.T2</i></b>			
1.1	Máy tính FPT	2015	41	Tin học cơ bản; Tin học chuyên ngành; Kinh tế lượng; Kỹ thuật sử dụng SPSS, ...
1.2	Máy chiếu CPX4015	2014	1	
1.3	Điều hòa Daikin 44.500 BTU	2003	1	
<b>2</b>	<b><i>Phòng máy tính E302.T3</i></b>			
2.1	Máy tính FPT	2015	41	Tin học cơ bản; Tin học chuyên ngành; Kinh tế

<b>STT</b>	<b>Tên thiết bị, cơ sở vật chất</b>	<b>Năm sản xuất</b>	<b>Số lượng</b>	<b>Ghi chú</b>
2.2	Máy chiếu CPX4015	2014	1	lượng; Kỹ thuật sử dụng SPSS, ...
2.3	Điều hòa Daikin 44.500 BTU	2003	1	
<b>3</b>	<b><i>Phòng máy tính E403</i></b>			Tin học cơ bản; Tin học chuyên ngành; Kinh tế lượng; Kỹ thuật sử dụng SPSS, ...
3.1	Máy tính CMS	2013	41	
3.2	Máy chiếu	2013	1	
3.3	Amply + loa + mic	2013	1	
3.4	Điều hòa Daikin 12.000 BTU	2013	2	
3.5	ổn áp lioa	2013	1	
<b>4</b>	<b><i>Phòng máy tính E404</i></b>			Tin học cơ bản; Tin học chuyên ngành; Kinh tế lượng; Kỹ thuật sử dụng SPSS, ...
4.1	Máy tính CMS	2013	41	
4.2	Máy chiếu	2013	1	
4.3	Amply + loa + mic	2013	1	
4.4	Điều hòa Daikin 12.000 BTU	2013	2	
4.5	ổn áp lioa	2013	1	
<b>5</b>	<b><i>Phòng máy tính E404.T4</i></b>			Tin học cơ bản; Tin học chuyên ngành; Kinh tế lượng; Kỹ thuật sử dụng SPSS, ...
5.1	Máy tính CMS	2013	41	
5.2	Máy chiếu 3M	2009	1	
5.3	Điều hòa Daikin 44.500 BTU	2003	1	

<b>STT</b>	<b>Tên thiết bị, cơ sở vật chất</b>	<b>Năm sản xuất</b>	<b>Số lượng</b>	<b>Ghi chú</b>
<b>6</b>	<b><i>Phòng máy tính E501</i></b>			Tin học cơ bản; Tin học chuyên ngành; Kinh tế lượng; Kỹ thuật sử dụng SPSS, ...
6.1	Máy tính CMS	2013	41	
6.2	Máy chiếu 3M	2009	1	
6.3	Điều hòa Daikin 44.500 BTU	2003	1	
<b>7</b>	<b><i>Phòng máy tính E502</i></b>			Tin học cơ bản; Tin học chuyên ngành; Kinh tế lượng; Kỹ thuật sử dụng SPSS, ...
7.1	Máy tính DNA	2006	16	
7.2	Máy tính FPT	2014	24	
7.3	Máy chiếu Hitachi	2014	1	
7.4	Điều hòa Daikin 44.500 BTU	2003	1	
<b>8</b>	<b><i>Phòng máy tính E503A</i></b>			Tin học cơ bản; Tin học chuyên ngành; Kinh tế lượng; Kỹ thuật sử dụng SPSS, ...
8.1	Máy tính DNA	2009	13	
8.2	Máy tính DNA	2010	10	
8.3	Máy tính DNA	2011	28	
8.4	Máy chiếu CPX4015	2014	1	
8.5	Điều hòa Daikin 44.500 BTU	2003	1	
<b>9</b>	<b><i>Phòng máy tính E503B</i></b>			Tin học cơ bản; Tin học chuyên ngành; Kinh tế lượng; Kỹ thuật sử dụng SPSS, ...
9.1	Máy tính DNA	2009	40	
9.2	Máy tính DNA	2006	1	
9.3	Máy chiếu Panasonic	2009	1	

<b>STT</b>	<b>Tên thiết bị, cơ sở vật chất</b>	<b>Năm sản xuất</b>	<b>Số lượng</b>	<b>Ghi chú</b>
9.4	Điều hòa Daikin	2003	1	
<b>10</b>	<b><i>Phòng máy tính 401-B3</i></b>			
10.1	Máy tính TAC	2014	35	Tin học cơ bản; Tin học chuyên ngành; Kinh tế lượng; Kỹ thuật sử dụng SPSS, ...
10.2	Máy chiếu BenQ	2014	1	
10.3	Điều hòa Sanyo 12000 BTU	2014	2	
10.4	Loa + Míc Petech	2008	1	
<b>11</b>	<b><i>Phòng máy tính 402-B3</i></b>			
11.1	Máy tính TAC	2015	40	Tin học cơ bản; Tin học chuyên ngành; Kinh tế lượng; Kỹ thuật sử dụng SPSS, ...
11.2	Điều hòa Panasonic 12.000 BTU	2015	2	
11.3	Điều hòa Sanyo 12000 BTU		1	
11.4	Loa + Míc Petech		1	
<b>12</b>	<b><i>Phòng máy tính 403-B3</i></b>			
12.1	Máy tính TAC	2016	40	Tin học cơ bản; Tin học chuyên ngành; Kinh tế lượng; Kỹ thuật sử dụng SPSS, ...
12.2	Điều hòa Panasonic 12.000 BTU	2015	2	
12.3	ồn áp lioa	2016	1	
<b>13</b>	<b><i>Phòng máy tính 404-B3</i></b>			
13.1	Máy tính TAC	2016	40	Tin học cơ bản; Tin học chuyên ngành; Kinh tế lượng; Kỹ thuật sử dụng SPSS, ...
13.2	Điều hòa Panasonic 12.000 BTU	2016	2	
<b>14</b>	<b><i>Phòng máy tính 405-B3</i></b>			Tin học cơ bản; Tin học

<b>STT</b>	<b>Tên thiết bị, cơ sở vật chất</b>	<b>Năm sản xuất</b>	<b>Số lượng</b>	<b>Ghi chú</b>
14.1	Máy tính TAC	2016	40	chuyên ngành; Kinh tế lượng; Kỹ thuật sử dụng SPSS, ...
14.2	Điều hòa Panasonic 12.000 BTU	2016	2	
14.3	Ổn áp lioa	2016	1	
<b>II.</b>	<b>Phòng LAP</b>			Tiếng anh Cơ bản; Tiếng Anh chuyên ngành; Thực hành TOEIC, ...
<b>1</b>	<b><i>Phòng LAP E401</i></b>			
1.1	Máy tính FPT	2013	36	
1.2	Tai nghe	2013	36	
1.3	Điều hòa Daikin	2003	1	
<b>2</b>	<b><i>Phòng LAP E402</i></b>			
1.1	Máy tính FPT	2013	36	
1.2	Tai nghe	2013	36	
1.3	Điều hòa Daikin	2003	1	
<b>3</b>	<b><i>Phòng LAP 301-B3</i></b>			
3.1	Máy tính TAC	2014	37	
3.2	Tai nghe	2014	37	
3.3	Điều hòa Toshiba 12.000 BTU	2014	1	
3.4	Ổn áp Lioa	2014	1	
<b>4</b>	<b><i>Phòng LAP 302-B3</i></b>			
4.1	Máy tính TAC	2015	36	
4.2	Tai nghe	2015	36	

<b>STT</b>	<b>Tên thiết bị, cơ sở vật chất</b>	<b>Năm sản xuất</b>	<b>Số lượng</b>	<b>Ghi chú</b>
4.3	Điều hòa Panasonic 12.000 BTU	2014	1	
4.4	Loa + Míc Petech	2008	1	
<b>III.</b>	<b>Thiết bị phòng học</b>			
1	Amplý + loa + míc	2014	7	
2	Amplý + loa + míc	2013	33	
3	Amplý + loa + míc	2010	5	
4	Amplý + loa + míc	2009	10	
5	Amplý + loa + míc	2008	1	
6	Amplý + loa + míc	2007	1	
7	Amplý + loa + míc	2005	3	
8	Amplý + loa + míc	2003	7	
9	Máy tính giáo viên	2013	15	Các học phần còn lại
10	Máy tính giáo viên	2009	2	
11	Máy tính giáo viên	2008	10	
12	Máy chiếu	2015	8	
13	Máy chiếu	2013	14	
14	Máy chiếu	2009	2	
15	Máy chiếu	2008	3	
16	Loa + Míc Petech	2008	8	
17	Loa + míc (2 míc)	2016	2	



STT	Tên thiết bị, cơ sở vật chất	Năm sản xuất	Số lượng	Ghi chú
18	Amply + loa + mic (2 mic)	2017	21	
19	Máy tính giáo viên (Laptop)	2009	2	
20	Máy tính giáo viên (Laptop)	2011	8	
21	Máy chiếu	2009	5	
22	Máy chiếu	2015	2	
23	Máy chiếu	2007	5	

### 2.6.2. Thư viện

Thư viện tại 3 cơ sở có phòng đọc đảm bảo 1500 chỗ ngồi, với hơn 100.000 đầu sách và hàng trăm loại báo chí chuyên ngành phục vụ cho giảng dạy, học tập và nghiên cứu khoa học của giảng viên và học viên.

**Bảng 2.5. Danh sách giáo trình, sách sử dụng cho học tập và nghiên cứu**

TT	Tên học phần	Tên giáo trình, sách	Tên tác giả	Nhà XB	Năm XB
1	Triết học	<i>Sách chuyên khảo học phần triết học (Dành cho cao học và nghiên cứu sinh khối không chuyên ngành triết học)</i>	Nguyễn Thị Giáng Hương	Dân trí	2017
		<i>Giáo trình triết học (Dùng trong đào tạo trình độ thạc sĩ, tiến sĩ các ngành khoa học xã hội và nhân văn không chuyên ngành Triết học)</i>	GS.TS Nguyễn Văn Tài – TS. Phạm Văn Sinh	Đại học Sư phạm	2014
2	Phương pháp định lượng và	<i>Giáo trình lý thuyết thống kê</i>	Trần Thị Kim	Đại học Kinh tế	2012

TT	Tên học phần	Tên giáo trình, sách	Tên tác giả	Nhà XB	Năm XB
	<b>thống kê trong nghiên cứu</b>		Thu	Quốc dân	
		<i>Giáo trình Lý thuyết thống kê</i>	Trần Ngọc Phác, TS. Trần Thị Kim Thu	Thống kê	2006
		<i>Giáo trình Thống kê chất lượng</i>	Phan Công Nghĩa	Đại học Kinh tế quốc dân	2012
		<i>Statistics for business and economics</i>	David R. Anderson, Dennis J. Sweeney	Cengage Learning Statistics for Business	2011
		<i>Basic Business Statistics, Concepts and Applications</i>	Mark L. Berenson, David M. Levine, Timothy C. Krehbiel	Pearson International Edition	2009
		<i>Business Statistics for Contemporary Decision Making</i>	Ken Black	Statistics for management	2008
3	<b>Lý thuyết kế toán</b>	<i>Accounting Theory</i>	Jayne Godfrey, Allan Hodgson, Scott Holmes	John Wiley & Sons	2010

<b>TT</b>	<b>Tên học phần</b>	<b>Tên giáo trình, sách</b>	<b>Tên tác giả</b>	<b>Nhà XB</b>	<b>Năm XB</b>
		<i>Accounting Principles With Working Papers</i>	Jayne Godfrey, Allan Hodgson, Scott Holmes	Von Hoffmann Press, Boston	2010
4	<b>Quản trị kinh doanh nâng cao</b>	<i>Giáo trình Quản trị kinh doanh</i>		Thống kê	2004
		<i>Quản trị kinh doanh tinh giản</i>		Thanh niên	2001
		<i>Những quy tắc trong quản lý</i>		Tri thức	2008
5	<b>Phương pháp nghiên cứu khoa học</b>	<i>Phương pháp luận nghiên cứu khoa học</i>	Vũ cao Đàm	Giáo dục	2011
		<i>Phương pháp luận nghiên cứu khoa học</i>	Lưu xuân Mới	Đại học sư phạm	2003
		<i>Phương pháp nghiên cứu xã hội học</i>	Phạm văn Quyết, Nguyễn Quý Thanh	Đại học quốc gia Hà Nội	2010
		<i>Research method for business and manegement</i>	Gay L.R. and Diehl P.L.	Pentice Hall Internati onal, Inc, USA	1996
		<i>Social research methods - Quantitative and Qualitative Aproaches</i>	Lawrence, N.W.	NewYo rk, USA	2000
6	<b>Tổ chức công</b>	<i>Giáo trình Tổ chức kế toán</i>	Nghiêm Văn	Lưu	2020

<b>TT</b>	<b>Tên học phần</b>	<b>Tên giáo trình, sách</b>	<b>Tên tác giả</b>	<b>Nhà XB</b>	<b>Năm XB</b>
	<b>tác kế toán</b>		Lợi	hành nội bộ	
		<i>Giáo trình tổ chức công tác kế toán trong doanh nghiệp</i>	Lưu Đức Tuyên, Ngô Thị Thu Hồng	Tài chính	2011
		<i>Giáo trình tổ chức công tác kế toán</i>	Đoàn Xuân Tiên	Thống kê	2006
		<i>Luật số 88/2015/QH13 ngày 20 tháng 01 năm 2015</i>		Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam	2015
		<i>Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, Hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp</i>		Bộ Tài chính	2014
		<i>Thông tư số 133/2016/TT-BTC ngày 26 tháng 08 năm 2016, Hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp nhỏ và vừa</i>		Bộ Tài chính	2016
		<i>Thông tư số 17/2017/TT-BTC ngày 10 tháng 10 năm 2017, Hướng dẫn Chế độ kế toán hành chính sự nghiệp</i>		Bộ Tài chính	2017
		<i>Thông tư số 161/2007/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm</i>		Bộ Tài	2007

<b>TT</b>	<b>Tên học phần</b>	<b>Tên giáo trình, sách</b>	<b>Tên tác giả</b>	<b>Nhà XB</b>	<b>Năm XB</b>
		<i>2007, Hướng dẫn thực hiện mười sáu (16) chuẩn mực kế toán ban hành theo Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31/12/2001, Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31/12/2002 và Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30/12/2003</i>		chính	
7	<b>Hệ thống thông tin kế toán</b>	<i>Giáo trình Hệ thống thông tin kế toán</i>	Bùi Thị Ngọc, Trần Thị Dự	Bách Khoa Hà Nội	2020
		<i>Accounting Information Systems</i>	James A. Hall		
8	<b>Lý thuyết kiểm toán</b>	<i>Đề cương bài giảng cao học: Lý thuyết kiểm toán</i>		Đại học Lao động - Xã hội	2013
		<i>Giáo trình kiểm toán</i>	Ths. Phan Trung Kiên	Tài chính	2008
		<i>Kiểm toán</i>	TS. Vũ Hữu Đức	Đại học Kinh tế Thành phố Hồ Chí Minh	2005
		<i>Lý thuyết kiểm toán</i>	GS. Nguyễn Quang Quynh - TS. Nguyễn Thị Phương Hoa	Tài chính	2008

TT	Tên học phần	Tên giáo trình, sách	Tên tác giả	Nhà XB	Năm XB
		<i>Đạo đức nghề nghiệp của kiểm toán viên độc lập</i>		Tài chính	
		<i>Giáo trình lý thuyết kiểm toán</i>		Tài chính	
		<i>Kiểm toán: Lý thuyết và thực hành</i>		Tài chính	
		<i>Auditing and Assurance</i>	Alvin A Arens & Randal J. Elder		2008
		<i>Services: An Intergrated Approach and ACL Software</i>		Pearson	
9	<b>Quản trị tài chính đơn vị hành chính sự nghiệp</b>	<i>Giáo trình Quản trị tài chính đơn vị hành chính sự nghiệp</i>	Nghiêm Văn Lợi	Tài chính	2008
		<i>Giáo trình Quản lý tài chính công</i>	Dương Đăng Chinh, Phạm Văn Khoan	Tài chính	2009
		<i>Bài giảng Cao học : Quản trị tài chính đơn vị hành chính sự nghiệp</i>		2013	2013
		<i>Luật số 83/2015/QH13 ngày 25 tháng 06 năm 2015</i>		Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam	2015
		<i>Thông tư số</i>		Bộ Tài	2014

<b>TT</b>	<b>Tên học phần</b>	<b>Tên giáo trình, sách</b>	<b>Tên tác giả</b>	<b>Nhà XB</b>	<b>Năm XB</b>
		<i>7078/2017/BTC-KBNN ngày 30 tháng 05 năm 2017, Hướng dẫn thực hiện một số nội dung của Mục lục NSNN</i>		chính	
		<i>Thông tư số 90/2073/BTC-KBNN ngày 28 tháng 06 năm 2013, Hướng dẫn xây dựng dự toán năm 2014</i>		Bộ Tài chính	2013)
		<i>Cẩm nang nghiệp vụ quản lý tài chính, ngân sách đối với kế toán, trường đơn vị hành chính sự nghiệp</i>		Thống kê	
10	<b>Kinh tế học quản lý</b>	<i>Giáo trình Kinh tế học Quản lý</i>	Phan Thế Công, Phạm Thị Minh Uyên	Thống Kê	2019
		<i>Giáo trình kinh tế quản lý</i>	Vũ Kim Dũng, Cao Thúy Xiêm	Hồng Đức	2018
		<i>Giáo trình Kinh tế học vi mô (Dành cho khối cao học kinh tế và Quản trị kinh doanh)</i>	Vũ Kim Dũng, Phạm Văn Minh	Hồng Đức	2011
11	<b>Kế toán tài chính nâng cao</b>	<i>Giáo trình Kế toán tài chính</i>	Nghiêm Văn Lợi	Tài chính	2011
		<i>Bài tập Kế toán tài chính</i>	Nghiêm Văn Lợi	Tài chính	2011
		<i>Thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014</i>			2014
		<i>Advances international Accounting</i>	Timothy J. Sale, Stephen B. Salter,	Elsevier Ltd, UK	2007

<b>TT</b>	<b>Tên học phần</b>	<b>Tên giáo trình, sách</b>	<b>Tên tác giả</b>	<b>Nhà XB</b>	<b>Năm XB</b>
			David J. Sharp		
12	<b>Kế toán quản trị nâng cao</b>	<i>Đề cương bài giảng cao học: Kế toán quản trị nâng cao</i>		Đại học Lao động – Xã hội	2018
		<i>Giáo trình Kế toán quản trị</i>		Đại học Lao động – Xã hội	2010
		<i>Giáo trình Kế toán quản trị</i>		Đại học Kinh tế quốc dân	2007
		<i>Bài tập Kế toán quản trị</i>		Đại học Lao động – Xã hội	2010
		<i>Managerial Accounting</i>	Garrison R	McGrawhill	2008
13	<b>Kiểm toán tài chính nâng cao</b>	<i>Đề cương bài giảng cao học: Kiểm toán tài chính</i>		Đại học Lao động – Xã hội	2013
		<i>Giáo trình kiểm toán</i>	Ths. Phan Trung Kiên	Tài chính	2008
		<i>Giáo trình kiểm toán Giáo trình kiểm toán tài chính.</i>	Ths. Đậu Ngọc Châu & TS. Nguyễn Việt Lợi	Tài chính	2008



<b>TT</b>	<b>Tên học phần</b>	<b>Tên giáo trình, sách</b>	<b>Tên tác giả</b>	<b>Nhà XB</b>	<b>Năm XB</b>
		<i>Kiểm toán</i>	Vũ Hữu Đức	Đại học Kinh tế Thành phố Hồ Chí Minh	2005
		<i>Lý thuyết kiểm toán</i>	GS. TS. Nguyễn Quang Quynh – TS. Nguyễn Thị Phương Hoa	Tài chính	2008
		<i>Giáo trình Kiểm toán tài chính</i>	GS. TS. Nguyễn Quang Quynh – TS. Ngô Trí Tuệ	Đại học Kinh tế quốc dân	2006
		<i>Giáo trình kiểm toán</i>		Tài chính	
		<i>Giáo trình kiểm toán báo cáo tài chính</i>		Tài chính	
		<i>AUDITING: An Intergrated Approach</i>	Alvin. A.Arens & James K. Loebbecke	Prentice Hall Internati onal. Inc	2003
		<i>Auditing and Assurance Services: An Intergrated Approach and ACL Software</i>	Alvin A Arens & Randal J. Elder	Pearson	2008
		<i>Principles of Auditing &amp; Other Assurance Services</i>	O. Whittington & K. Pany	McGra w-Hill	2008
		<i>Modern Internal Auditing:</i>	Brink. Victor	John	1982

<b>TT</b>	<b>Tên học phần</b>	<b>Tên giáo trình, sách</b>	<b>Tên tác giả</b>	<b>Nhà XB</b>	<b>Năm XB</b>
		<i>Appraising Operations and Controls</i>	& Herbert Witt	Wiley & Sons	
14	<b>Quản trị chi phí</b>	<i>Bài giảng Quản trị chi phí</i>		Đại học Lao động – Xã hội	2014
		<i>Cost Management: Accounting and Control</i>	Don R. Hansen	South Western	2009
		<i>Cost Management: A strategic Emphasis</i>	Blocher J	McGrawhill	2010
		<i>Managerial Accounting</i>	Garrison R	McGrawhill	2012
15	<b>Hệ thống kiểm soát quản trị</b>	<i>Bài giảng Hệ thống kiểm soát quản trị</i>		Đại học Lao động – Xã hội	2014
		<i>Vijay Govindarajan: Management Control Systems</i>	Robert N. Anthony	McGrawhill	2012
		<i>Managerial Accounting</i>	Garrison R	McGrawhill	2012
		<i>Strategic Management, concepts and cases</i>	Fred R. David	Prentice Hall (Pearson)	2011
16	<b>Luật kế toán và chuẩn mực kế toán</b>	<i>Đề cương bài giảng cao học: Luật kế toán và chuẩn mực kế toán</i>		đại học Lao động – Xã hội	2013

<b>TT</b>	<b>Tên học phần</b>	<b>Tên giáo trình, sách</b>	<b>Tên tác giả</b>	<b>Nhà XB</b>	<b>Năm XB</b>
		<i>Luật Kế toán số 03/2003 ngày 17 tháng 6 năm 2003</i>			2003
		<i>Nghị định 129/2004/NĐ-CP ngày 31 tháng 5 năm 2004 quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của luật kế toán áp dụng trong hoạt động kinh doanh</i>			2004
		<i>Các chuẩn mực kế toán Quốc tế</i>	Ngân hàng Thế giới	Chính trị Quốc gia	2002
		<i>Giáo trình Chuẩn mực kế toán Quốc tế</i>	Học viện Tài chính	Tài Chính	2010
		<i>26 chuẩn mực kế toán Việt Nam và các thông tư hướng dẫn chuẩn mực</i>			
17	<b>Quản trị tài chính doanh nghiệp nâng cao</b>	<i>Giáo trình quản trị tài chính doanh nghiệp</i>	PGS.TS. Dương Đức Lân	Tài Chính	2011
		<i>Giáo trình Tài chính doanh nghiệp</i>	PGS.TS. Lưu Thị Hương	Thống kê	2003
		<i>Quản trị Tài chính doanh nghiệp</i>	Nguyễn Hải Sơn	Thống kê	1996
		<i>Giáo trình quản trị tài chính doanh nghiệp</i>		Tài Chính	
		<i>Quản trị tài chính doanh nghiệp</i>		Giao thông vận tải	

TT	Tên học phần	Tên giáo trình, sách	Tên tác giả	Nhà XB	Năm XB
		<i>Introduction to Financial management</i>	Lawrence D.Schall Charles W.Haley		
		<i>Fundamentals of Corporate Finance Vol I</i>	Ross	GrawHil 1	2003
		<i>Financial Managemnet</i>	I.M. Pandey	Vikas Publishi ng House Pvt. Ltd	2004
		<i>Luật doanh nghiệp</i>			2005
18	<b>Phân tích báo cáo tài chính nâng cao</b>	<i>Đề cương bài giảng cao học: Phân tích báo cáo tài chính</i>		ĐH Lao động - Xã hội	2013
		<i>Giáo trình Phân tích báo cáo tài chính</i>	PGS.TS. Nguyễn Năng Phúc	Đại học Kinh tế quốc dân	2008
		<i>Thực hành kế toán và phân tích tài chính trong công ty cổ phần</i>			
		<i>Phân tích tài chính doanh nghiệp – lý thuyết và thực hành</i>			
		<i>Phân tích quản trị tài chính</i>		Thống kê	
		<i>Financial Accounting, &amp; Reporting</i>	Barry Elliott / Jamie Elliott	FT Prentice	2005

<b>TT</b>	<b>Tên học phần</b>	<b>Tên giáo trình, sách</b>	<b>Tên tác giả</b>	<b>Nhà XB</b>	<b>Năm XB</b>
		<i>Analysis:International Edition</i>		Hall	
		<i>Financial Analysis Tools and Techniques: A Guide for Managers</i>	Erich Helfert	McGrawhill	2001
		<i>Tài chính doanh nghiệp hiện đại</i>	Trần Ngọc Thơ		2003
19	<b>Kế toán quốc tế nâng cao</b>	<i>Bài giảng cao học: Kế toán Quốc tế nâng cao</i>		Đại học Lao động – Xã hội	2013
		<i>Giáo trình Kế toán Quốc tế</i>	Nguyễn Phú Giang	Tài chính	2010
		<i>Financial Accounting - An International Introduction</i>	David Alexander và Christopher Nobes	Prentice Hall	2012
20	<b>Kế toán thuế nâng cao</b>	<i>Giáo trình Kế toán thuế</i>		Đại học Lao động – Xã hội	
		<i>Sách Bài tập Kế toán thuế</i>		Đại học Lao động – Xã hội	
		<i>Bài giảng Kế toán thuế nâng cao</i>		Đại học Lao động – Xã hội	

<b>TT</b>	<b>Tên học phần</b>	<b>Tên giáo trình, sách</b>	<b>Tên tác giả</b>	<b>Nhà XB</b>	<b>Năm XB</b>
		<i>Các Luật, Nghị định, và Thông tư về Quản lý thuế, các loại thuế XNK, TTĐB, GTGT, TNDN, TNCN</i>			
21	<b>Kiểm toán nội bộ</b>	<i>Đề cương bài giảng cao học: Kiểm toán nội bộ</i>		Đại học Lao động – Xã hội	2013
		<i>Kiểm toán nội bộ khái niệm và quy trình</i>	Vũ Hữu Đức	Thống kê	
		<i>Chuẩn mực thực hành nghề nghiệp kiểm toán nội bộ</i>			
		<i>Kiểm toán nội bộ hiện đại – Đánh giá các hoạt động và hệ thống kiểm soát</i>	Victor Z.Brink& Herbert Witt	Tài chính	
		<i>Kiểm soát nội bộ</i>	Khoa kế toán kiểm toán	Đại học Kinh tế thành phố Hồ Chí Minh	2012
		<i>Hướng dẫn hoạch toán kiểm soát thu chi qua kho bạc nhà nước và quản lý tài chính dành cho kế toán trưởng đơn vị hành chính sự nghiệp</i>			

### **III. HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG CHƯƠNG TRÌNH**

#### **3.1. Chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ**

Trong chương trình, các học phần đã được bố trí vào các kỳ theo mối quan hệ giữa các học phần và do vậy phải được thực hiện đúng theo các điều kiện tiên quyết.

### 3.2. Giờ quy đổi

Giờ quy đổi được tính như sau:

1 TC lý thuyết = 15 giờ giảng lý thuyết trên lớp và 30 giờ tự học

1 TC thực hành = 30 giờ thực hành, thảo luận và 15 giờ tự học

**Bảng 3.1 BẢNG DANH MỤC CÁC MÃ HỌC PHẦN**

TT	Mã học phần	Tên học phần
1	CHTH501	Triết học
2	KTDL502	Phương pháp định lượng và thống kê trong nghiên cứu
3	KTLT503	Lý thuyết kế toán
4	KTQD504	Quản trị kinh doanh nâng cao
5	KTTC511	Kế toán tài chính nâng cao
6	KTQN512	Kế toán quản trị nâng cao
7	KTKC513	Kiểm toán tài chính nâng cao
8	KTCP514	Quản trị chi phí
9	KTKS515	Hệ thống kiểm soát quản trị
10	KTCK506	Tổ chức công tác kế toán
11	KTTT507	Hệ thống thông tin kế toán
12	KTKT508	Lý thuyết kiểm toán
13	KTQT509	Quản trị tài chính đơn vị hành chính sự nghiệp
14	KTKH510	Kinh tế học quản lý
15	KTCM516	Tổ chức công tác kế toán
16	KTQC517	Hệ thống thông tin kế toán
17	KTPT518	Lý thuyết kiểm toán
18	KTKQ519	Quản trị tài chính đơn vị hành chính sự nghiệp
19	KTTN520	Kinh tế học quản lý
20	KTNB521	Kiểm toán nội bộ

### 3.3. Giải thích các số trong dấu ngoặc đơn bên cạnh số tín chỉ:

Ví dụ: 2 (12,36,60)

- Số thứ nhất (12): số tiết lý thuyết học trên lớp.
- Số thứ hai (36): số tiết thảo luận hoặc thí nghiệm hoặc thực hành
- Số thứ ba (60): số giờ chuẩn bị.

### 3.4. Giải thích mục “Điều kiện”:

(a): Học phần học trước

Để có thể đăng kí học học phần thuộc cột “Tên học phần” thì học viên đã phải học

học phần ghi trong cột “Điều kiện” nhưng không nhất thiết phải có kết quả đạt.

(b): Học phần tiên quyết

Để có thể đăng kí học học phần thuộc cột “Tên học phần” thì sinh viên đã phải học học phần ghi trong cột “Điều kiện” và phải có kết quả đạt.

**HIỆU TRƯỞNG**

**Hà Xuân Hùng**